

Số: 08 /TTr-VTSPK-HĐQT

Tp. HCM, ngày 09 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2019.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;.
- Điều lệ Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế được ĐHĐCĐ thông qua ngày 05/04/2018.
- Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 09/04/2019 của HĐQT công ty v/v thông qua kế hoạch, chương trình, nội dung Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội cổ đông công ty xem xét, thông qua: các nội dung nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 (Phụ lục 01 đính kèm), đồng thời ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư (nếu có) cho phù hợp tình hình thực tế của Công ty;
- Quyết định mức cổ tức tạm ứng phù hợp và không làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD.

Kính trình Đại hội,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tài Cương



Phu lục 01

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**
(Kèm theo Tờ trình số ...08.../TTr-VTSPK-HĐQT ngày 03/.../.../2019)

I. Nhiệm vụ năm 2019:

Khai thác hiệu quả và an toàn đội tàu LPG, trong đó Gas Shipping tiếp tục là đầu mối đảm bảo vai trò vận chuyển LPG cho Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí (PVGas Trading) và Nhà máy GPP Cà Mau. Tiếp tục kết hợp với NVTrans giữ vững thị phần vận tải LPG nội địa và chủ động đẩy mạnh hoạt động vận tải ra thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và tăng nguồn thu ngoại tệ.

Huy động phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ để thực hiện công tác điều hành vận chuyển sản phẩm LPG củ nhà máy GPP Cà Mau

Phát triển mở rộng kinh doanh các loại hình dịch vụ khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ.

Tăng cường nghiên cứu đánh giá thị trường mua bán tàu, thị trường vận tải trong nước, quốc tế, xây dựng kế hoạch khai thác phù hợp khi công ty triển khai đầu tư tàu theo kế hoạch đầu tư Tổng công ty phê duyệt, đảm bảo các dự án đầu tư đạt hiệu quả không thấp hơn FS được phê duyệt.

Về tái cấu trúc, xây dựng phương án tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 460 tỷ đồng để đáp ứng nhu cầu vốn đối ứng cho các Dự án đầu tư.

Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Đảm bảo duy trì được giấy chứng nhận của các chủ hàng lớn (Oil Majors) đáp ứng yêu cầu khai thác trên thị trường quốc tế.

Tổ chức sửa chữa định kỳ các tàu theo quy định đảm bảo đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí và phù hợp với tình hình khai thác.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.

Tuân thủ các quy định công ty niêm yết, chủ động nghiên cứu, đánh giá, triển khai xây dựng các phương án huy động vốn trên thị trường chứng khoán nhằm chủ động về nguồn vốn khi triển khai dự án đầu tư.

Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn và Tổng công ty phát động.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do ĐHCĐ và Tổng công ty giao.



II. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.**

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Trong đó			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I	Tổng doanh thu	1,200.19	292.26	287.85	303.75	316.33
1	Dịch vụ vận tải	591.84	140.55	136.14	151.28	163.87
2	Dịch vụ thương mại	601.87	150.09	150.09	150.85	150.85
3	Hoạt động tài chính	6.48	1.62	1.62	1.62	1.62
II	Tổng chi phí	1,135.13	277.62	275.45	287.89	294.18
1	Giá vốn hàng bán	1,070.96	263.12	261.02	270.18	276.63
1.1	Dịch vụ vận tải	469.88	113.23	111.13	119.53	125.99
1.2	Dịch vụ thương mại	601.07	149.89	149.89	150.65	150.65
2	Chi phí tài chính	16.80	2.54	2.48	5.97	5.81
3	Chi phí bán hàng	9.05	2.26	2.26	2.26	2.26
4	Chi phí QLDN	38.32	9.69	9.69	9.48	9.47
III	Lợi nhuận trước thuế	65.06	14.65	12.41	15.86	22.15
IV	Lợi nhuận sau thuế	52.05	11.72	9.92	12.69	17.72
V	Nộp NSNN	32.59	7.01	6.42	8.64	10.52

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Kế hoạch năm 2019	Trong đó			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I	Tổng vốn đầu tư	1,480.95	5.47	0.47	322.47	1,152.54
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	1,474.07	0.00	0.00	322.00	1,152.07
2	Mua sắm trang thiết bị	6.88	5.47	0.47	0.47	0.47
II	Nguồn vốn	1,480.95	5.47	0.47	322.47	1,152.54
1	Vốn chủ sở hữu	487.81	5.47	0.47	119.61	362.26
2	Vốn vay + Khác	993.14	0.00	0.00	202.86	790.28

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định (chi tiết).

STT	Tên dự án	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch 2019			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
			1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng (A+B)	Tỷ đồng	1,480.95	487.81	993.14	1,480.95	487.81	993.14	
A	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu USD	64.09	20.91	43.18	64.09	20.91	43.18	
I	Dự án nhóm A	Triệu USD	50.09	15.73	34.36	50.09	15.73	34.36	
1	Dự án khởi công mới		50.09	15.73	34.36	50.09	15.73	34.36	
	Đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC có sức chở từ 75.000 - 85.000cbm	Triệu USD	50.09	15.73	34.36	50.09	15.73	34.36	
II	Dự án nhóm B	Triệu USD	14.00	5.18	8.82	14.00	5.18	8.82	
1	Dự án khởi công mới	Triệu USD	14.00	5.18	8.82	14.00	5.18	8.82	
	Đầu tư tàu chở khí hóa lỏng (LPG) có sức chở từ khoảng 3.500 - 5.000cbm năm 2019	Triệu USD	14.00	5.18	8.82	14.00	5.18	8.82	
III	Dự án nhóm C								
B	Mua sắm tài sản	Tỷ đồng	6,88	6,88	-	6,88	6,88	-	
1	Mua sắm thiết bị VP, phần mềm....	Tỷ đồng	6.88	6.88		6.88	6.88		

Ghi chú:

- Tổng mức đầu tư đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Tỷ giá kế hoạch năm 2019: 1USD = 23.000VND